

Số: 12/CBTT/PBC.TC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 4 năm 2019

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Vv: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, số 99 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Điện thoại: 028 39 262 606 Fax: 028 39 262 607
4. Người thực hiện công bố: Trịnh Sơn Hà Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
5. Loại công bố thông tin: 24h 72h bất thường yêu cầu **định kỳ**
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
7. Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**Người công bố thông tin  
Chủ tịch HĐQT**



**Trịnh Sơn Hà**



Báo cáo tài chính  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018  
đã được kiểm toán

Đơn vị kiểm toán :

**CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38.205.944 - Fax: (08) 38.205.942

Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

E-mail: [infor@aascs.com.vn](mailto:infor@aascs.com.vn)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	01 - 03
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	04 - 05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 08
- Kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

### Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge được thành lập theo Giấy phép số 47/UBCK-GP ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh

- Theo quyết định số 49/UBCK-GP ngày 20/7/2009 của UBCK Nhà nước: thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa chỉ trụ sở.

- Giấy phép điều chỉnh số 24/UBCK-GPĐC ngày 13/8/2013 của UBCK Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tên công ty, thay đổi trụ sở và người đại diện pháp luật

- Giấy phép điều chỉnh số 03/UBCK-GPĐC ngày 21/01/2014 của UBCK Nhà nước về bổ sung nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.

- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2016 của UBCK Nhà nước về thay đổi trụ sở công Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng.)

Trụ sở chính : Tầng 6, 99 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 10/08/2017 của UBCK Nhà nước về tăng vốn điều lệ của công ty.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng.)

- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2018 của UBCK Nhà nước về thay người đại diện pháp luật của công ty.

Người đại diện pháp luật: Trịnh Sơn Hà

- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 20/08/2018 của UBCK Nhà nước về tên công ty.

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Tên viết tắt: Pacific Bridge Capital

### Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT
- Bà Vũ Thị Huyền Nga	Thành viên
- Bà Huỳnh Thị Ngân Trang	Thành viên

#### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc
- Bà Tô Thị Thu	Kế toán trưởng

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

- Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Việt Tuấn	Chuyên viên

#### Người Đại diện theo pháp luật

- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT
--------------------	---------------

**Danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018:**

Stt	Tên cổ đông	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
<b>a. Cổ đông là pháp nhân</b>			
1	CTCP Tư vấn Đầu tư Sao Vàng	2.450.000.000	4,08%
<b>b. Cổ đông cá nhân</b>			
1	Vũ Thị Huyền Nga	25.725.000.000	42,88%
2	Trịnh Sơn Hà	24.000.000.000	40,00%
3	Huỳnh Thị Ngân Trang	7.825.000.000	13,04%
<b>Tổng</b>		<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Tình hình kinh doanh của Công ty**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge  
Tầng 6, 99 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Ban Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Pacific Bridge phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TRINH SON HA**  
T.P. HỒ CHÍ MINH  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



1729-C.T.T.N.H.T  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE  
KẾ TOÁN TOÁN  
HỒ CHÍ MINH



C. T.  
TY  
ẢN  
TU  
DGE  
CH

Số : 370 /BCKT/TC/2019/AASCS

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc**  
**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge, được lập ngày 30/03/2019, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc về Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tin học Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN KT số: 0479-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

**Chu Thế Bình**

Giấy CN ĐKHN KT số: 1858-2018-142-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>24.375.505.319</b>	<b>32.184.147.216</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>24.331.505.319</b>	<b>32.181.507.216</b>
1. Tiền	111		24.331.505.319	32.181.507.216
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>44.000.000</b>	<b>2.640.000</b>
2. Trả trước cho người bán	132	V.02	44.000.000	2.640.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.209.275.615</b>	<b>287.558.903</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.136.466</b>	<b>122.707.253</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.03	46.136.466	73.818.354
- Nguyên giá	222		83.045.650	83.045.650
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.909.184)	(9.227.296)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.04	-	48.888.899
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.000)	(111.111.101)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.05	<b>5.000.000.000</b>	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.000.000.000	-
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>250</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.06	<b>163.139.149</b>	<b>164.851.650</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.026.149	7.738.650
3. Tài sản dài hạn khác	263		157.113.000	157.113.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>29.584.780.934</b>	<b>32.471.706.119</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119.804.650</b>	<b>332.263.515</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119.804.650</b>	<b>332.263.515</b>
2. Phải trả người bán	312		-	27.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	12.021.975	18.435.405
5. Phải trả người lao động	315		86.149.675	130.423.110
8. Phải trả, phải nộp khác	319	V.08	21.633.000	155.905.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.10	<b>29.464.976.284</b>	<b>32.139.442.604</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(30.535.023.716)	(27.860.557.396)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>29.584.780.934</b>	<b>32.471.706.119</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	6	V.02	-	-
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	20		5.000.000.000	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	41		-	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	50		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	51		-	-



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thu



Trịnh Sơn Hà

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>		-	87.845.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	V.1	-	87.845.462
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.2	-	694.000
<b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		-	87.151.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		671.126	40.399.862
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.3	2.652.982.138	2.552.392.220
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.652.311.012)</b>	<b>(2.424.840.896)</b>
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		22.155.308	201.100.000
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(22.155.308)</b>	<b>(201.100.000)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(2.674.466.320)</b>	<b>(2.625.940.896)</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(2.674.466.320)</b>	<b>(2.625.940.896)</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(446)</b>	<b>(481)</b>

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Thanh Huyền



Tô Thị Thư



Trịnh Sơn Hà

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	287.151.462
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.080.349.717)	(3.548.939.915)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.283.700.208)	(1.441.463.243)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	(124.552.105.289)	22.285.699.210
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	124.065.482.191	(20.001.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.850.673.023)</b>	<b>(2.418.652.486)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.500.000.000)	(15.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.500.000.000	15.900.000.000
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	671.126	40.399.862
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.999.328.874)</b>	<b>40.399.862</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.000.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(7.850.001.897)</b>	<b>7.621.747.376</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>32.181.507.216</b>	<b>24.559.759.840</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>24.331.505.319</b>	<b>32.181.507.216</b>

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



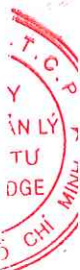
Phạm Thị Thanh Huyền



Tô Thị Thu



Trịnh Sơn Hà



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2018

	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối i
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	60.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-
9. Các Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(25.234.616.500)	(27.860.557.396)	-	(2.625.940.896)	-	(2.674.466.320)	(27.860.557.396)
<b>Cộng</b>	<b>24.765.383.500</b>	<b>32.139.442.604</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>(2.625.940.896)</b>	<b>-</b>	<b>(2.674.466.320)</b>	<b>32.139.442.604</b>

Người lập bảng

*Phạm Thị Thanh Huyền*

Phạm Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

*Tô Thị Thư*

Tô Thị Thư

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm

Chủ tịch HĐQT



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
- Ngành nghề kinh doanh : Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán  
Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán  
Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.
- Tổng số nhân viên : 14 người

Trong đó: Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ: 07 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ quản lý quỹ đăng ký hoạt động tại ngày 31/12/2018 như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp
1	Vũ Thị Huyền Nga	001331/QLQ	10/12/2015
2	Đinh Ngọc Dũng	000734/QLQ	16/05/2011
3	Trịnh Bá Toàn	001621/QLQ	27/11/2017
4	Đặng Vũ Trí Dũng	001070/QLQ	1/25/2014
5	Từ Cao Ánh	000817/QLQ	3/26/2012
6	Nguyễn Thị Hiền	000967/QLQ	6/20/2013
7	Nguyễn Thanh Toàn	000582/QLQ	2/1/2010

### II. KỶ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND),

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

#### **Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính



Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***



Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu***

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.



#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.1

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>24.321.705.829</b>	<b>32.172.830.485</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>9.799.490</b>	<b>8.676.731</b>
+ Ngân hàng An Bình	3.943.167	558.245
+ Ngân hàng BIDV	2.137.995	3.987.660
+ Ngân hàng Eximbank	2.359.445	2.106.564
+ Ngân hàng GP Bank	-	1.558.108
+ Ngân hàng VIB	890.455	-
+ CTCP Chứng khoán SSI	468.428	466.154
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>24.331.505.319</b>	<b>32.181.507.216</b>

**02 Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Công nghệ và truyền thông Thủy Thủ	24.000.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM	20.000.000	-
- Báo Người lao động	-	2.640.000
<b>Cộng</b>	<b>44.000.000</b>	<b>2.640.000</b>

**03 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	-	83.045.650	-	83.045.650
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	83.045.650	-	83.045.650
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	-	9.227.296	-	9.227.296
2. Khấu hao trong năm	-	27.681.888	-	27.681.888
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	36.909.184	-	36.909.184
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	73.818.354	-	73.818.354
2. Tại ngày cuối năm	-	46.136.466	-	46.136.466



**04 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	-	160.000.000	-	160.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	160.000.000	-	160.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	-	111.111.101	-	111.111.101
2. Khấu hao trong năm	-	48.888.899	-	48.888.899
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	160.000.000	-	160.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	48.888.899	-	48.888.899
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

**05 Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	5.000.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>

**Ghi chú (\*):**

Công ty : Công ty Cổ phần Công nghiệp VIHASO  
 Giấy CN ĐKKD số : 4601506373 cấp ngày 05/03/2018  
 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp  
 Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng  
 Ngành nghề : Sản xuất linh kiện điện tử

**06 Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	6.026.149	7.738.650
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	-	-
+ Tiền cọc thuê văn phòng	157.113.000	157.113.000
<b>Cộng</b>	<b><u>163.139.149</u></b>	<b><u>164.851.650</u></b>

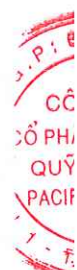
**07 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	12.021.975	18.435.405
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.021.975</u></b>	<b><u>18.435.405</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**08 Phải trả phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.496.000	128.000
Bảo hiểm xã hội	14.433.000	26.939.000
Bảo hiểm y tế	2.547.000	4.734.000
Bảo hiểm thất nghiệp	1.132.000	2.104.000
Phải trả, phải nộp khác	25.000	122.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.633.000</u></b>	<b><u>155.905.000</u></b>



**09 Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**a Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	-	-	-	(25.234.616.500)	24.765.383.500
Tăng vốn trong năm trước	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
- Góp vốn						
- Lãi trong năm trước					(2.625.940.896)	(2.625.940.896)
- Tăng do trích từ lợi nhuận					-	-
- Tăng khác					-	-
Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước					-	-
- Giảm do trích từ lợi nhuận					-	-
- Chia cổ tức					-	-
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	-	-	-	(27.860.557.396)	32.139.442.604
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	-	-	(27.860.557.396)	32.139.442.604
Tăng vốn trong năm						
- Góp vốn						
- Lãi trong năm					(2.674.466.320)	(2.674.466.320)
- Tăng do trích từ lợi nhuận					-	-
- Tăng khác					-	-
Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong kỳ					-	-
- Giảm do trích từ lợi nhuận					-	-
- Chia cổ tức					-	-
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối năm	60.000.000.000	-	-	-	(30.535.023.716)	29.464.976.284



09 Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
+ Số lượng cp đã phát hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp được mua lại	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

c. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh tại 31/12/2018:

Tên thể nhân và pháp nhân góp vốn	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/ Tổng vốn điều lệ
<b>Cổ đông pháp nhân</b>	<b>2.450.000.000</b>	<b>4,08%</b>
- CTCP Đầu tư Sao Vàng	2.450.000.000	4,08%
<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>57.550.000.000</b>	<b>95,92%</b>
- Bà: Vũ Thị Huyền Nga	25.725.000.000	42,88%
- Ông: Trịnh Sơn Hà	24.000.000.000	40,00%
- Bà: Huỳnh Thị Ngân Trang	7.825.000.000	13,04%
<b>Tổng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

10 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (chi tiết theo từng nhà đầu tư ủy thác):	Không phát sinh
11 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	
8.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	: Không phát sinh
8.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	: Không phát sinh
12 Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	: Không phát sinh
13 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	: Không phát sinh

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	87.845.462
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>87.845.462</b>

**2 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	-	694.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>694.000</b>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	671.126	40.399.862
- Lãi đầu tư tài chính	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b>671.126</b>	<b>40.399.862</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(2.674.466.320)</b>	<b>(2.625.940.896)</b>
<b>Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận</b>	<b>19.515.308</b>	<b>200.000.000</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	19.515.308	200.000.000
+ Chi phí theo	-	-
+ Chi nộp phạt vi phạm hành chính	19.515.308	200.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
+ Chi phí khác	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.654.951.012)</b>	<b>(2.425.940.896)</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4 Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:**

4.1- Hoạt động quản lý quỹ	: Không phát sinh
4.2- Hoạt động nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán	: Không phát sinh
4.3- Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	: Không phát sinh
4.4- Các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ	: Không phát sinh

011720-  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
HÀ NAM  
T.P.HỒ C

T.C.  
Y  
N L  
FU  
GE  
CHI MI

**5 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.**

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản:</b>		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	17,61%	0,89%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	82,39%	99,11%
<b>2. Tỷ suất sinh lợi: lỗ</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	0,00%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	-9,08%	-8,17%
<b>3. Tình hình tài chính:</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	0,40%	1,02%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	20309%	9686%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	0,16%	0,38%

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**Bên liên quan:** Các thành viên của Hội đồng quản trị  
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng  
Các thành viên của Ban Kiểm soát

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

- Tiền lương của các thành viên chủ chốt năm 2018 là: 402.453.305 VND.

**Giao dịch các bên liên quan** : không phát sinh

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, không có các khoản phải thu với các bên liên quan phải trình bày.

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
CTCP Công nghiệp Vihaso	Góp vốn	7.500.000.000
	Chuyển nhượng vốn	2.500.000.000

**2. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thu

Trịnh Sơn Hà